

| | |
|---|----------------------------------|
| SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH | |
| ĐẾN | Số: 26827..... |
| | Giờ..... Ngày 16 tháng 8 năm 11. |

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|---------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 - 4 |
| 3. Báo cáo kiểm toán | 5 |
| 4. Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 6 năm 2011 | 6 - 9 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | 10 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | 11 - 12 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | 13 - 30 |
| 8. Phụ lục | 31 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần TIE được thành lập từ việc cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty sản xuất kinh doanh Xuất nhập khẩu TIE. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301173454 (số cũ 4103002484) đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 7 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần 1 đến lần 11 về việc bổ sung nghề kinh doanh, thay đổi người đại diện pháp luật và tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

| Cổ đông | Số cổ phiếu | Vốn góp (VND) | Tỷ lệ (%) |
|------------------|------------------|-----------------------|------------|
| Nhà nước | 6.699.000 | 66.990.000.000 | 70 |
| Các cổ đông khác | 2.870.900 | 28.709.000.000 | 30 |
| Cộng | 9.569.900 | 95.699.000.000 | 100 |

Mệnh giá một cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu

Trụ sở hoạt động

Trụ sở chính

Địa chỉ : 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 38 330 855 - 38 393 054

Fax : 38 332 754

Mã số thuế : 030 117 3454

Các đơn vị trực thuộc:

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|---|---|
| Xí nghiệp Cơ Điện TIE | Khu sản xuất Bình Chuẩn, Huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương |
| Chi nhánh Phú Quốc | 135 Nguyễn Trung Trực, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần TIE tại Hà Nội | 92 Kim Liên mới, Phường Phương Liên, quận Đống Đa, TP. Hà Nội |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần TIE tại Cần Thơ | 32 Lý Thường Kiệt, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ |

Hoạt động chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: Thiết kế, sản xuất, gia công lắp ráp và kinh doanh các mặt hàng điện tử dân dụng; Sản xuất và kinh doanh thiết bị lạnh, máy phát điện, động cơ và phụ tùng rời cung cấp cho ngành điện lực (trừ tái chế phế thải nhựa-kim loại); Kinh doanh, xuất nhập khẩu linh kiện điện tử, máy móc đo lường thí nghiệm điện-điện tử-thiết bị viễn thông; Mua bán tư liệu sản xuất hóa chất, vật tư, nguyên phụ liệu, thiết bị phụ tùng, máy móc phục vụ sản xuất công nông nghiệp, vật liệu xây dựng và trang trí nội thất, hàng tiêu dùng, phương tiện vận tải và phụ tùng; Dịch vụ lao động; Thiết lập mạng lưới thiết bị Internet, cung cấp dịch vụ truy nhập Internet công cộng; Sản xuất, lắp ráp thiết bị bưu chính viễn thông; Sản xuất, gia công, mua bán các sản phẩm cơ khí; Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế và nội địa; Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không hoạt động kinh doanh tại TP. Hồ Chí Minh); Vận chuyển hành khách bằng đường thủy, taxi theo hợp đồng; Cho thuê nhà xưởng, kho bãi; Các dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng trên Internet: dịch vụ thư điện tử; dịch vụ

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

thư thoại; dịch vụ truy nhập cơ sở dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ trao đổi dữ liệu điện tử (EDI), dịch vụ Fax nâng cao hay gia tăng giá trị bao gồm lưu trữ và gửi, lưu giữ và truy cập, dịch vụ chuyển đổi mã, hiệu; Dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng; Các dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng khác theo quy định của Bộ Bưu chính Viễn thông; Đại lý ký gửi hàng hóa; Tư vấn, thiết kế phần mềm máy tính; Tư vấn, thiết kế, lắp đặt mạng máy tính; Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, hàng thủy sản chế biến, nước giải khát (trừ kinh doanh dịch vụ ăn uống); Đại lý kinh doanh xăng dầu; Cho thuê văn phòng; Bán buôn, bán lẻ sản phẩm thuốc lá nội, thuốc lá; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kinh doanh bất động sản; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ kinh doanh bến bãi ô tô, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường hàng không); Đại lý du lịch; Điều hành tua du lịch; Vận tải hành khách đường bộ khác.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

6 tháng đầu năm 2011 Công ty giảm sút đáng kể về doanh số và lợi nhuận do ảnh hưởng chung của suy thoái kinh tế trong năm 2011 nhất là đối với ngành nghề kinh doanh mặt hàng điện tử.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 31).

Trong kỳ Công ty đã thực hiện chia cổ tức năm 2010 là 15% trên vốn điều lệ theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên ngày 27 tháng 5 năm 2011.

Sự kiện phát sinh sau kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|-----------------------|------------|----------------------|---------------------|
| Ông Vũ Đức Dũng | Chủ tịch | 27 tháng 5 năm 2011 | - |
| Ông Đặng Ngọc Hùng | Chủ tịch | 30 tháng 3 năm 2007 | 27 tháng 5 năm 2011 |
| Ông Vũ Quốc Vinh | Thành viên | 01 tháng 12 năm 2010 | - |
| Bà Trần Thị Bé Ba | Thành viên | 08 tháng 6 năm 2004 | - |
| Ông Nguyễn Văn Thọ | Thành viên | 27 tháng 5 năm 2011 | - |
| Ông Nguyễn Văn Thọ | Thành viên | 30 tháng 3 năm 2007 | 27 tháng 5 năm 2011 |
| Ông Lâm Quan Việt Hải | Thành viên | 30 tháng 3 năm 2007 | - |

Ban Kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|------------------------|------------|---------------------|---------------------|
| Ông Thân Nam Y | Trưởng ban | 30 tháng 3 năm 2007 | - |
| Ông Đặng Chu Dũng | Thành viên | 24 tháng 4 năm 2009 | - |
| Bà Nguyễn Ngọc Anh Thu | Thành viên | 27 tháng 5 năm 2011 | - |
| Bà Bùi Thị Thanh Hồng | Thành viên | 24 tháng 4 năm 2009 | 27 tháng 5 năm 2011 |

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | |
|---------------------|-------------------|---------------------|---|
| Ông Vũ Quốc Vinh | Tổng Giám đốc | 06 tháng 6 năm 2008 | - |
| Bà Trần Thị Bé Ba | Phó Tổng Giám đốc | 05 tháng 4 năm 2007 | - |
| Ông Đoàn Vinh Quang | Phó Tổng Giám đốc | 11 tháng 6 năm 2008 | - |

101173

ÔNG T
Ổ PH
TIE

TP. HỒ

2047443

ÔNG T
HIỆM HỮU
H TOÁN V
S VẤN

TP. HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kế toán trưởng

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|-------------------|----------------|---------------------|
| Bà Phạm Thúy Oanh | Kế toán trưởng | 30 tháng 6 năm 2008 |

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Vũ Quốc Vinh
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2011





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0757/2011/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty Cổ phần TIE gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, được lập ngày 04 tháng 8 năm 2011, từ trang 06 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0100/KTV

Nguyễn Ngọc Thành - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1195/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**(Dạng đầy đủ)****Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011**

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 123.594.368.710 | 141.638.420.123 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 9.710.716.205 | 16.798.113.156 |
| 1. Tiền | 111 | | 8.710.716.205 | 15.798.113.156 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 1.000.000.000 | 1.000.000.000 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 1.835.360.000 | 2.851.260.000 |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | V.2 | 5.729.060.000 | 5.729.060.000 |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 129 | V.3 | (3.893.700.000) | (2.877.800.000) |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 49.077.242.099 | 70.564.548.926 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | V.4 | 21.654.298.014 | 26.355.372.490 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | V.5 | 1.663.646.792 | 3.653.396.328 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Các khoản phải thu khác | 135 | V.6 | 29.004.297.293 | 43.800.780.108 |
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | V.7 | (3.245.000.000) | (3.245.000.000) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 52.717.242.846 | 46.112.065.682 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.8 | 59.836.217.084 | 53.231.039.920 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | V.9 | (7.118.974.238) | (7.118.974.238) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 10.253.807.560 | 5.312.432.359 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.10 | 691.521.092 | 148.027.422 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 5.174.709.262 | 3.835.553.333 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | V.11 | 690.030.771 | 690.030.771 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 157 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | V.12 | 3.697.546.435 | 638.820.833 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 158.895.541.696 | 154.881.289.898 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc | 212 | | - | - |
| 3. Phải thu dài hạn nội bộ | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu dài hạn khác | 218 | | - | - |
| 5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 41.608.920.626 | 52.890.137.286 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.13 | 10.764.384.389 | 11.260.133.100 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 19.201.660.913 | 19.178.570.004 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (8.437.276.524) | (7.918.436.904) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.14 | 5.037.964.460 | 18.089.005.769 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 5.380.992.840 | 18.912.163.156 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (343.028.380) | (823.157.387) |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | V.15 | 25.806.571.777 | 23.540.998.417 |
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | V.16 | 27.061.863.207 | 12.916.071.351 |
| <i>Nguyên giá</i> | 241 | | 28.610.873.830 | 13.668.890.643 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 242 | | (1.549.010.623) | (752.819.292) |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 89.314.019.126 | 87.512.002.670 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | V.17 | 61.584.071.736 | 59.634.905.280 |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | 258 | V.18 | 29.549.459.448 | 29.549.459.448 |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 | V.19 | (1.819.512.058) | (1.672.362.058) |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 910.738.737 | 1.563.078.591 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.20 | 910.738.737 | 1.563.078.591 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 282.489.910.406 | 296.519.710.021 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| A - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 62.461.382.230 | 69.143.154.375 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 62.384.562.387 | 69.066.334.532 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | V.21 | 6.950.492.750 | 34.121.898.032 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | V.22 | 11.424.119.138 | 662.688.508 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | | 185.560.203 | 92.440.821 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | V.23 | 110.463.407 | 791.076.377 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | | - | 29.907.280 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả nội bộ | 317 | | - | - |
| 8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 318 | | - | - |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | V.24 | 43.713.926.889 | 30.055.287.702 |
| 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 | | - | - |
| 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | V.25 | - | 3.313.035.812 |
| 12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 327 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 76.819.843 | 76.819.843 |
| 1. Phải trả dài hạn người bán | 331 | | - | - |
| 2. Phải trả dài hạn nội bộ | 332 | | - | - |
| 3. Phải trả dài hạn khác | 333 | | - | - |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 334 | | - | - |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 | | - | - |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | 76.819.843 | 76.819.843 |
| 7. Dự phòng phải trả dài hạn | 337 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện | 338 | | - | - |
| 9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 339 | | - | - |
| B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 220.028.528.176 | 227.376.555.646 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 220.028.528.176 | 227.376.555.646 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | V.26 | 95.699.000.000 | 95.699.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | - | - |
| 4. Cổ phiếu quỹ | 414 | | - | - |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | | - | - |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | V.26 | 104.948.405.377 | 104.948.405.377 |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | V.26 | 11.025.017.419 | 11.025.017.419 |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | | - | - |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | V.26 | 8.356.105.380 | 15.704.132.850 |
| 11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 421 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 432 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 433 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 282.489.910.406 | 296.519.710.021 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

| CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Số cuối kỳ | |
|--|-------------|---------------|---------------|
| | | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| 1. Tài sản thuê ngoài | | - | - |
| 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công | | - | - |
| 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược | | - | - |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý | | 1.317.737.655 | 1.317.737.655 |
| 5. Ngoại tệ các loại: | | | |
| Dollar Mỹ (USD) | | 105.291,88 | 137.619,40 |
| 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án | | - | - |



Hà Hạnh Hoa
Người lập biểu



Phạm Thúy Oanh
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 8 năm 2011

Vũ Quốc Vinh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-------|-------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VL.1 | 122.321.851.661 | 166.169.075.102 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VL.1 | 199.260.243 | 557.298.723 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | VL.1 | 122.122.591.418 | 165.611.776.379 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VL.2 | 120.738.857.633 | 161.463.504.459 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 1.383.733.785 | 4.148.271.920 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VL.3 | 10.142.432.459 | 22.063.991.732 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VL.4 | 1.714.419.803 | 12.595.782.686 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 441.750.345 | 1.227.801.803 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | VL.5 | 5.137.300.801 | 5.927.314.586 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | VL.6 | 5.283.015.988 | 4.431.574.397 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (608.570.348) | 3.257.591.983 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VL.7 | 7.616.395.678 | 20.411.860.923 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VL.8 | 1.002.800 | 157.126.373 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 7.615.392.878 | 20.254.734.550 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 7.006.822.530 | 23.512.326.533 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.23 | - | 3.366.953.508 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>7.006.822.530</u> | <u>20.145.373.025</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VL.9 | <u>732</u> | <u>2.105</u> |


Hà Hạnh Hoa
Người lập biểu

Phạm Thúy Oanh
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 8 năm 2011

Vũ Quốc Vinh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------|--------------|-----------------------------------|-------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 7.006.822.530 | 23.512.326.533 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định | 02 | V.13, 14, 16 | 834.901.944 | 805.876.891 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | 1.163.050.000 | - |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | | - | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | VI.3 | (9.748.404.362) | (12.154.538.511) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.4 | 441.750.345 | 1.227.801.803 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | (301.879.543) | 13.391.466.716 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 16.314.161.120 | (39.422.070.998) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (6.605.177.164) | (14.225.958.713) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 13.667.553.949 | (3.027.001.768) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 108.846.184 | 579.503.181 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 13 | | (441.750.345) | (1.227.801.803) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | | - | (3.528.358.111) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | | 438.820.833 | 1.162.094.570 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | | (4.085.588.047) | (4.716.872.843) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 19.094.986.987 | (51.014.999.769) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (3.699.477.140) | (356.213.451) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | 200.000.000 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | (729.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | 48.666.200 |
| 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | (840.170.878) | (911.050.000) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | 11.721.500.000 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 9.748.404.362 | 10.271.007.138 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 5.208.756.344 | 20.244.909.887 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|-------------|-----------------------------------|-------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | | |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | V.21 | 18.921.495.550 | 86.587.552.160 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | V.21 | (46.092.900.832) | (53.937.319.466) |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (4.219.735.000) | (22.686.163.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (31.391.140.282) | 9.964.069.694 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | (7.087.396.951) | (20.806.020.188) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 16.798.113.156 | 34.909.419.022 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | V.1 | 9.710.716.205 | 14.103.398.834 |

Hà Hạnh Hoa
Người lập biểu

Phạm Thúy Oanh
Kế toán trưởng



Vũ Quốc Vinh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 8 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - thương mại.
- Ngành nghề kinh doanh** : Thiết kế sản xuất, gia công lắp ráp và kinh doanh các mặt hàng điện tử dân dụng; Cho thuê nhà xưởng, kho bãi; Đại lý ký gửi hàng hóa; Tư vấn và thiết kế phần mềm máy tính cũng như mạng máy tính.
- Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 Công ty có 151 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 157 nhân viên).
- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
6 tháng đầu năm 2011 Công ty giảm sút đáng kể về doanh số và lợi nhuận do ảnh hưởng chung của suy thoái kinh tế trong năm 2011 nhất là đối với ngành nghề kinh doanh mặt hàng điện tử.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.
- Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp tính giá hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 8 - 50 |
| Máy móc và thiết bị | 5 - 8 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 - 5 |

6. **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao là 50 năm.

7. **Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 10 năm.

Bản quyền phần mềm máy tính

Bản quyền phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra để mua bản quyền sử dụng phần mềm Microsoft. Chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không tính khấu hao đối với diện tích 173,3 m² đất tại 249 Nguyễn Trung Trực, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

8. **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

9. **Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các công ty liên kết được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm và Bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010 : 18.932 VND/USD
30/6/2011 : 20.632 VND/USD

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận khi hàng hoá đã được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt | 266.196.484 | 581.053.834 |
| Tiền gửi ngân hàng | 8.444.519.721 | 15.217.059.322 |
| Các khoản tương đương tiền | 1.000.000.000 | 1.000.000.000 |
| <i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i> | | |
| Cộng | 9.710.716.205 | 16.798.113.156 |

2. Đầu tư ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|------------|----------------------|------------|----------------------|
| | Số lượng | Giá trị | Số lượng | Giá trị |
| Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn | | | | |
| - Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt | 20.000 | 980.000.000 | 20.000 | 980.000.000 |
| - Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc Hòa Bình | 7 | 60.000 | 6 | 60.000 |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và KCN Sông Đà | 15.000 | 1.872.000.000 | 15.000 | 1.872.000.000 |
| - Công ty Cổ phần Dầu Tường An | 6.000 | 828.000.000 | 6.000 | 828.000.000 |
| - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín | 94.500 | 2.049.000.000 | 94.500 | 2.049.000.000 |
| Cộng | | 5.729.060.000 | | 5.729.060.000 |

Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc Hòa Bình tăng do nhận cổ phiếu thưởng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Số đầu năm | (2.877.800.000) | (2.511.600.000) |
| Trích lập dự phòng bổ sung | (1.015.900.000) | - |
| Số cuối kỳ | (3.893.700.000) | (2.511.600.000) |

4. Phải thu khách hàng

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tại Văn phòng Công ty ⁽ⁱ⁾ | 21.440.426.511 | 25.904.827.888 |
| Tại Chi nhánh Cần Thơ | 32.159.999 | - |
| Tại Chi nhánh Hà Nội | 132.543.505 | 444.002.602 |
| Tại Chi nhánh Phú Quốc | 49.167.999 | 6.542.000 |
| Cộng | 21.654.298.014 | 26.355.372.490 |

(i) Trong đó khoản phải thu của Công ty TNHH Thuận An là 2.421.569.620 VND liên quan đến các lô hàng bán đang có tranh chấp tại Chi nhánh Hà Nội.

5. Trả trước cho người bán

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|------------------------|----------------------|----------------------|
| Tại Văn phòng Công ty | 1.478.211.791 | 3.645.896.328 |
| Tại Chi nhánh Phú Quốc | 185.435.001 | 7.500.000 |
| Cộng | 1.663.646.792 | 3.653.396.328 |

6. Các khoản phải thu khác

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Cổ tức và lợi nhuận được chia | 21.000.000.000 | 37.500.000.000 |
| Tạm chi quỹ khen thưởng phúc lợi | 772.552.235 | - |
| Công ty Chứng khoán Đông Á | 176.732.183 | 506.176.252 |
| Dự án cao ốc 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10 ⁽ⁱ⁾ | 2.941.460.398 | 2.139.255.159 |
| Công ty Cổ phần thể hệ mới NGT ⁽ⁱⁱ⁾ | 3.210.000.000 | 3.210.000.000 |
| Các khoản phải thu khác | 903.552.477 | 445.348.697 |
| Cộng | 29.004.297.293 | 43.800.780.108 |

(i) Các khoản chi liên quan Dự án cao ốc 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10 sẽ được chuyển giao cho Công ty mới khi thành lập pháp nhân riêng.

(ii) Khoản phải thu Công ty Cổ phần thể hệ mới NGT đã được lập dự phòng do khó có khả năng thu hồi.

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán của: | | |
| Lê Nguyên Vũ | (35.000.000) | (35.000.000) |
| Công ty Cổ phần thể hệ mới NGT | (3.210.000.000) | (3.210.000.000) |
| Cộng | (3.245.000.000) | (3.245.000.000) |

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**8. Hàng tồn kho**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Hàng mua đang đi trên đường | - | 1.111.567.756 |
| Nguyên liệu, vật liệu | 138.002.001 | 147.753.298 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 41.829.566 | 42.454.842 |
| Thành phẩm | 114.181.362 | 243.171.758 |
| Hàng hóa | 59.452.203.938 | 51.686.092.266 |
| Hàng gửi đi bán | 90.000.217 | - |
| Cộng | <u>59.836.217.084</u> | <u>53.231.039.920</u> |

9. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
Khoản dự phòng giảm giá cho hàng hóa.**10. Chi phí trả trước ngắn hạn**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Tại Văn phòng Công ty | 655.523.327 | 49.000.000 |
| Tại Chi nhánh Hà Nội | 3.669.698 | - |
| Tại Chi nhánh Phú Quốc | 32.328.067 | 99.027.422 |
| Cộng | <u>691.521.092</u> | <u>148.027.422</u> |

11. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa.**12. Tài sản ngắn hạn khác**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|---------------------------|
| Tài sản thiếu chờ xử lý ⁽ⁱ⁾ | 3.458.322.435 | - |
| Tạm ứng | 184.224.000 | 145.000.000 |
| Các khoản ký quỹ ngắn hạn | 55.000.000 | 493.820.833 |
| Cộng | <u>3.697.546.435</u> | <u>638.820.833</u> |

⁽ⁱ⁾ Giá trị hàng tồn kho bị mất mát tại Chi nhánh Hà Nội. Khoản này đã được lập dự phòng toàn bộ vào cuối 2010.**13. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

| | <u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u> | <u>Máy móc và thiết bị</u> | <u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u> | <u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u> | <u>Cộng</u> |
|---------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------|--|----------------------------------|------------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 12.713.714.365 | 1.521.636.479 | 4.168.861.860 | 774.357.300 | 19.178.570.004 |
| Mua sắm mới | - | - | - | 23.090.909 | 23.090.909 |
| Số cuối kỳ | <u>12.713.714.365</u> | <u>1.521.636.479</u> | <u>4.168.861.860</u> | <u>797.448.209</u> | <u>19.201.660.913</u> |
| Trong đó: | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 568.062.102 | 1.439.185.387 | 166.000.000 | 201.155.896 | 2.374.403.385 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|------------------------|---------------------------|------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|-----------------------|
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 4.754.807.776 | 1.484.324.133 | 1.132.660.554 | 546.644.441 | 7.918.436.904 |
| Khấu hao trong kỳ | 245.632.215 | 7.582.776 | 200.143.098 | 65.481.531 | 518.839.620 |
| Số cuối kỳ | 5.000.439.991 | 1.491.906.909 | 1.332.803.652 | 612.125.972 | 8.437.276.524 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 7.958.906.589 | 37.312.346 | 3.036.201.306 | 227.712.859 | 11.260.133.100 |
| Số cuối kỳ | 7.713.274.374 | 29.729.570 | 2.836.058.208 | 185.322.237 | 10.764.384.389 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - |

14. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

| | Phần mềm quản lý và bản quyền phần mềm | Quyền sử dụng đất | Cộng |
|----------------------------|--|----------------------|----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 858.492.840 | 18.053.670.316 | 18.912.163.156 |
| Chuyển bất động sản đầu tư | - | (13.531.170.316) | (13.531.170.316) |
| Số cuối kỳ | 858.492.840 | 4.522.500.000 | 5.380.992.840 |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 300.103.738 | 523.053.649 | 823.157.387 |
| Khấu hao trong kỳ | 42.924.642 | 136.448.778 | 179.373.420 |
| Chuyển bất động sản đầu tư | - | (659.502.427) | (659.502.427) |
| Số cuối kỳ | 343.028.380 | - | 343.028.380 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 558.389.102 | 17.530.616.667 | 18.089.005.769 |
| Số cuối kỳ | 515.464.460 | 4.522.500.000 | 5.037.964.460 |

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong kỳ | Kết chuyển vào BĐSĐT trong kỳ | Số cuối kỳ |
|---|-----------------------|----------------------------------|-------------------------------------|-----------------------|
| XDCB dở dang: | | | | |
| Chi phí thiết kế Văn phòng Phú Quốc | - | 109.090.909 | - | 109.090.909 |
| Dự án 376 Điện Biên Phủ | 22.000.000.000 | 3.454.545.455 | - | 25.454.545.455 |
| Làm bờ kè Phú Quốc | 1.410.812.871 | - | (1.410.812.871) | - |
| Thiết kế cửa hàng kinh doanh SP điện - điện tử tin học | 81.818.182 | - | - | 81.818.182 |
| Các công trình khác | 48.367.364 | 112.749.867 | - | 161.117.231 |
| Cộng | 23.540.998.417 | 3.676.386.231 | (1.410.812.871) | 25.806.571.777 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

16. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

| | <u>Quyền sử dụng đất</u> |
|--|------------------------------|
| Nguyên giá | |
| Số đầu năm | 13.668.890.643 |
| Tăng trong kỳ | 14.941.983.187 |
| <i>Chuyển từ tài sản cố định vô hình</i> | 13.531.170.316 |
| <i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i> | 1.410.812.871 |
| Số cuối kỳ | <u><u>28.610.873.830</u></u> |
| | |
| Giá trị hao mòn | |
| Số đầu năm | 752.819.292 |
| Tăng trong kỳ | 796.191.331 |
| <i>Khấu hao trong kỳ</i> | 136.688.904 |
| <i>Chuyển từ tài sản cố định vô hình</i> | 659.502.427 |
| Số cuối kỳ | <u><u>1.549.010.623</u></u> |
| | |
| Giá trị còn lại | |
| Số đầu năm | 12.916.071.351 |
| Số cuối kỳ | <u><u>27.061.863.207</u></u> |

Bất động sản đầu tư gồm:

- Quyền sử dụng thửa đất tại đường Dương Đông – An Thới, khu phố 7, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang với tổng diện tích 7.825,9 m². Thời gian sử dụng đất là 50 năm kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2007 đến ngày 10 tháng 12 năm 2057.
- Quyền sử dụng đất đối với 38.887,9 m² đất tại xã Bình Chuẩn, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương với thời gian sử dụng đất là 50 năm.

Tại thời điểm cuối kỳ Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư trên.

17. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|------------|------------------------------|------------|------------------------------|
| | Số lượng | Giá trị | Số lượng | Giá trị |
| Công ty Điện tử Samsung Vina ⁽ⁱ⁾ | - | 53.665.056.000 | - | 53.665.056.000 |
| Công ty TNHH Dụng cụ Điện Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾ | - | 7.919.015.736 | - | 5.969.849.280 |
| Cộng | | <u><u>61.584.071.736</u></u> | | <u><u>59.634.905.280</u></u> |

⁽ⁱ⁾ Công ty đầu tư vào Công ty Điện tử Samsung Vina bằng quyền sử dụng 58.200 m² đất tại xã Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh với giá trị tương đương 3.492.000 USD hay 53.665.056.000 VND trong vòng 20 năm kể từ năm 1995, tương đương 20% vốn điều lệ.

⁽ⁱⁱ⁾ Trong kỳ Công ty đã đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Dụng cụ Điện Việt Nam 1.949.166.456 VND. Hiện công ty nắm giữ 49% vốn điều lệ của công ty này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**18. Đầu tư dài hạn khác**

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|------------|-----------------------|------------|-----------------------|
| | Số lượng | Giá trị | Số lượng | Giá trị |
| Đầu tư cổ phiếu các đơn vị sau: | | | | |
| Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam | 987.289 | 12.946.629.448 | 987.289 | 12.946.629.448 |
| Công ty Cổ phần vận chuyển Saigon Tourist | 58.212 | 603.120.000 | 58.212 | 603.120.000 |
| Công ty Cổ phần dịch vụ bưu chính viễn thông Sài Gòn | 1.431.327 | 8.674.710.000 | 1.431.327 | 8.674.710.000 |
| Công ty Cổ phần bất động sản Rovin | 500.000 | 5.000.000.000 | 500.000 | 5.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình | 40.875 | 2.325.000.000 | 40.875 | 2.325.000.000 |
| Cộng | | 29.549.459.448 | | 29.549.459.448 |

19. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Khoản dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Số đầu năm | (1.672.362.058) | (1.440.000.000) |
| Trích lập dự phòng bổ sung | (147.150.000) | - |
| Số cuối kỳ | (1.819.512.058) | (1.440.000.000) |

20. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh | Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ | Số cuối kỳ |
|-----------------------|----------------------|--------------------|--------------------------------------|--------------------|
| | | | | |
| Tại Văn phòng Công ty | 1.547.113.926 | 147.622.240 | (786.278.095) | 908.458.071 |
| Tại Chi nhánh Cần Thơ | 15.964.665 | - | (13.683.999) | 2.280.666 |
| Cộng | 1.563.078.591 | 147.622.240 | (799.962.094) | 910.738.737 |

21. Vay và nợ ngắn hạn

Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để phục vụ kế hoạch kinh doanh năm 2011 thông qua hợp đồng cho vay theo hạn mức tín dụng số 11.773001/HĐTĐHM ngày 06 tháng 01 năm 2011. Hai bên thỏa thuận nội dung hạn mức cho vay không có đảm bảo bằng tài sản tương đương 70 tỷ VND (bao gồm cả VND và ngoại tệ quy đổi).

Chi tiết số phát sinh như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-----------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Số đầu năm | 34.121.898.032 | 10.046.495.436 |
| Số tiền vay phát sinh | 18.921.495.550 | 86.587.552.160 |
| Chênh lệch tỉ giá | - | 1.162.094.570 |
| Số tiền vay đã trả | (46.092.900.832) | (53.937.319.466) |
| Số cuối kỳ | 6.950.492.750 | 43.858.822.700 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**22. Phải trả người bán**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------------|------------------------------|---------------------------|
| Tại Văn phòng Công ty | 11.424.119.138 | 662.688.508 |
| <i>Công ty Điện tử Samsung Vina</i> | <i>11.309.552.212</i> | <i>424.738.969</i> |
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i> | <i>114.566.926</i> | <i>237.949.539</i> |
| Cộng | <u>11.424.119.138</u> | <u>662.688.508</u> |

23. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số phải nộp trong kỳ</u> | <u>Số đã nộp trong kỳ</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|----------------------------|---------------------------|-----------------------------|-------------------------------|-----------------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 26.134.980 | 329.138.876 | (302.952.278) | 52.321.578 |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | 236.842.385 | 705.188.245 | (942.030.630) | - |
| Thuế xuất, nhập khẩu | 57.055.970 | 55.713.920 | (112.769.890) | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | (690.030.771) | - | - | (690.030.771) |
| Thuế thu nhập cá nhân | 471.043.042 | 417.016.578 | (829.917.791) | 58.141.829 |
| Tiền thuế đất | - | 859.450.000 | (859.450.000) | - |
| Các loại thuế khác | - | 9.000.000 | (9.000.000) | - |
| Cộng | <u>101.045.606</u> | <u>2.375.507.619</u> | <u>(3.056.120.589)</u> | <u>(579.567.364)</u> |

Thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.11).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

| | |
|--|-----|
| Tiền bảo hành, màn hình vi tính, máy tính tiền, máy chiếu... | 10% |
| Hàng hóa xuất khẩu | 0% |

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

| | <u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|--|-----------------|-----------------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 7.006.822.530 | - | 23.512.326.533 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | 289.420.116 | - | - |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 289.420.116 | - | - |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | - | - | - |
| Thu nhập chịu thuế | 7.296.242.646 | - | 23.512.326.533 |
| Thu nhập được miễn thuế | (8.859.840.150) | - | (10.044.512.500) |
| Lỗi các năm trước được chuyển | - | - | - |
| Thu nhập tính thuế | (1.563.597.504) | - | 13.467.814.033 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 25% | 25% | 25% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | <u>-</u> | <u>-</u> | <u>3.366.953.508</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với các diện tích đất đang sử dụng tại 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh; 912 Điện Biên Phủ, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh và 52 Thành Thái, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Bảo hiểm y tế | 2.273.246 | 8.724.632 |
| Kinh phí công đoàn | 43.312.454 | 46.322.664 |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 20.485.449.000 | 10.350.334.000 |
| Thù lao HĐQT | - | 208.907.126 |
| Phải trả Công ty Cổ phần Bất động sản Exim - theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 03/HĐTIE09 | 23.075.000.000 | 18.460.000.000 |
| Công ty TNHH ATP – tiền ứng vốn | - | 803.498.664 |
| Các khoản phải trả khác | 107.892.189 | 177.500.616 |
| Cộng | <u>43.713.926.889</u> | <u>30.055.287.702</u> |

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | <u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> | |
|-------------------|--|-----------------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Số đầu năm | 3.313.035.812 | 4.524.755.015 |
| Chi quỹ trong kỳ | (3.877.449.158) | (4.716.872.843) |
| Chi khác | (208.138.889) | - |
| Số cuối kỳ | <u>(772.552.235)</u> | <u>(192.117.828)</u> |

26. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Vốn đầu tư của Nhà nước | 66.990.000.000 | 66.990.000.000 |
| Vốn góp của các cổ đông | 28.709.000.000 | 28.709.000.000 |
| Cộng | <u>95.699.000.000</u> | <u>95.699.000.000</u> |

Cổ tức

Công ty chi trả cổ tức năm 2010 là 15% trên vốn chủ sở hữu. Trong kỳ Công ty đã chi trả cổ bằng tiền mặt là 4.219.735.000 VND.

Cổ phiếu

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 9.569.900 | 9.569.900 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 9.569.900 | 9.569.900 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 9.569.900 | 9.569.900 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 9.569.900 | 9.569.900 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 9.569.900 | 9.569.900 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|------------------------------------|--|-------------------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Tổng doanh thu | 122.321.851.661 | 166.169.075.102 |
| - Doanh thu bán hàng hóa | 109.588.893.826 | 154.377.648.628 |
| - Doanh thu bán thành phẩm | 1.142.640.129 | 1.949.566.302 |
| - Doanh thu cung cấp dịch vụ | 150.546.364 | 91.265.457 |
| - Doanh thu khác | - | 16.363.637 |
| - Doanh thu của Chi nhánh Phú Quốc | 8.309.199.876 | 6.908.640.692 |
| - Doanh thu của Chi nhánh Hà Nội | 2.745.753.686 | 2.049.666.886 |
| - Doanh thu của Chi nhánh Cần Thơ | 384.817.780 | 775.923.500 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | (199.260.243) | (557.298.723) |
| Hàng bán bị trả lại | | |
| Doanh thu thuần | <u>122.122.591.418</u> | <u>165.611.776.379</u> |

2. Giá vốn hàng bán

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|------------------------------------|--|-------------------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp | 959.337.334 | 987.264.822 |
| Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp | 110.483.013.589 | 152.714.722.772 |
| Giá vốn Chi nhánh Phú Quốc | 6.316.070.152 | 5.212.129.863 |
| Giá vốn Chi nhánh Hà Nội | 2.622.737.548 | 1.850.801.337 |
| Giá vốn Chi nhánh Cần Thơ | 357.699.010 | 698.585.665 |
| Cộng | <u>120.738.857.633</u> | <u>161.463.504.459</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 888.564.212 | 226.494.638 |
| Lãi đầu tư và doanh thu bán cổ phiếu | - | 11.770.166.200 |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 124.589.765 | - |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 8.859.840.150 | 10.044.512.500 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 269.438.332 | 22.818.394 |
| Cộng | 10.142.432.459 | 22.063.991.732 |

4. Chi phí tài chính

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí lãi vay | 441.750.345 | 1.227.801.803 |
| Lỗ do bán chứng khoán | 75.456.374 | - |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 34.163.084 | 1.417.857.883 |
| Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn và dài hạn | 1.163.050.000 | - |
| Giá vốn bán cổ phiếu Công ty Cổ phần Sài Gòn | - | 9.948.500.000 |
| Sân bay | - | 1.623.000 |
| Chi phí khác | - | - |
| Cộng | 1.714.419.803 | 12.595.782.686 |

5. Chi phí bán hàng

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 2.359.365.218 | 2.216.111.473 |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 13.310.660 | 5.174.250 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 344.162.856 | 54.350.896 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 82.786.809 | 305.657.399 |
| Chi phí bảo hành | 92.115.982 | 32.322.964 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.146.758.715 | 1.741.866.597 |
| Chi phí bằng tiền khác | 1.098.800.561 | 1.571.831.007 |
| Cộng | 5.137.300.801 | 5.927.314.586 |

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nhân viên quản lý | 2.486.326.922 | 2.268.011.192 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 67.827.820 | 52.783.459 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 48.069.069 | 77.820.394 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 490.739.088 | 500.219.492 |
| Thuế, phí và lệ phí | 127.572.624 | 50.252.998 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 479.454.637 | 458.604.064 |
| Chi phí bằng tiền khác | 1.583.025.828 | 1.023.882.798 |
| Cộng | 5.283.015.988 | 4.431.574.397 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Khoản thu hỗ trợ tiền bán hàng từ nhà sản xuất | 4.129.527.020 | 5.199.051.545 |
| Thu đền bù giải phóng mặt bằng của dự án hợp tác kinh doanh cao ốc 376 Điện Biên Phủ | 3.454.545.455 | 15.000.000.000 |
| Thu thanh lý TSCD | - | 200.000.000 |
| Thu khác | 32.323.203 | 12.809.378 |
| Cộng | 7.616.395.678 | 20.411.860.923 |

8. Chi phí khác

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Giá trị còn lại của tài sản cố định nhượng bán, thanh lý | - | 138.134.827 |
| Nộp phạt thuế | - | 17.951.159 |
| Chi phí khác | 1.002.800 | 1.040.387 |
| Cộng | 1.002.800 | 157.126.373 |

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 7.006.822.530 | 20.145.373.025 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | - | - |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 7.006.822.530 | 20.145.373.025 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ | 9.569.900 | 9.569.900 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 732 | 2.105 |

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ Công ty phát sinh giao dịch không bằng tiền về việc ghi nhận khoản đầu tư bằng kết chuyển các khoản chi hộ phải thu là 1.108.995.578 VND (số cùng kỳ năm trước là 3.754.273.777 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tiền lương | 777.611.395 | 671.917.938 |
| Tiền thưởng | 388.780.000 | 648.276.000 |
| Thù lao | 496.550.000 | 558.000.000 |
| Cộng | 1.662.941.395 | 1.878.193.938 |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|------------------------------------|------------------|
| Công ty Điện tử Samsung Vina | Công ty liên kết |
| Công ty TNHH Dụng cụ điện Việt Nam | Công ty liên kết |

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|-----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| <i>Công ty Điện tử Samsung Vina</i> | | |
| Mua hàng | 128.506.641.673 | 164.649.643.696 |
| Bán hàng và cung cấp dịch vụ | 301.400.083 | 382.793.748 |
| Lợi nhuận được hưởng | 7.500.000.000 | 10.000.000.000 |
| Thu hỗ trợ | 4.129.527.020 | 4.935.098.825 |
| <i>Công ty TNHH Dụng cụ điện Việt Nam</i> | | |
| Bán hàng | - | 6.320.041.219 |
| Bán xe thanh lý | - | 200.000.000 |
| Góp vốn | 1.949.166.456 | 4.665.323.777 |
| Các khoản chi hộ | 2.269.514.633 | 468.516.628 |

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | | |
| <i>Công ty Điện tử Samsung Vina</i> | | |
| Phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 53.064.338 | 80.373.312 |
| Cổ tức phải thu | 21.000.000.000 | 37.500.000.000 |
| Cộng nợ phải thu | 21.053.064.338 | 37.580.373.312 |
| <i>Công ty Điện tử Samsung Vina</i> | | |
| Phải trả tiền mua hàng | 11.309.552.212 | 424.738.969 |
| Cộng nợ phải trả | 11.309.552.212 | 424.738.969 |

Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

2. Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là kinh doanh màn hình Syncmaster tại thị trường Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 8 năm 2011



Hà Hạnh Hoa
Người lập biểu



Phạm Thúy Oanh
Kế toán trưởng



Vũ Quốc Vinh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Quý đầu tư phát triển | Quý dự phòng tài chính | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Đơn vị tính: VND |
|-----------------------------------|---------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Số đầu năm trước | 95.699.000.000 | 90.216.000.652 | 9.206.202.021 | 5.701.027.943 | 200.822.230.616 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | 36.613.839.685 | 36.613.839.685 |
| Trích lập các quỹ trong năm trước | - | 14.732.404.725 | 1.818.815.398 | (21.825.784.778) | (5.274.564.655) |
| Chia cổ tức năm trước | - | - | - | (4.784.950.000) | (4.784.950.000) |
| Số dư cuối năm trước | <u>95.699.000.000</u> | <u>104.948.405.377</u> | <u>11.025.017.419</u> | <u>15.704.132.850</u> | <u>227.376.555.646</u> |
| Số dư đầu năm nay | 95.699.000.000 | 104.948.405.377 | 11.025.017.419 | 15.704.132.850 | 227.376.555.646 |
| Lợi nhuận tăng trong kỳ này | - | - | - | 7.006.822.530 | 7.006.822.530 |
| Chia cổ tức trong kỳ | - | - | - | (14.354.850.000) | (14.354.850.000) |
| Số dư cuối kỳ | <u>95.699.000.000</u> | <u>104.948.405.377</u> | <u>11.025.017.419</u> | <u>8.356.105.380</u> | <u>220.028.528.176</u> |

Hà Hạnh Hoa
Người lập biểu

Phạm Thủy Oanh
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 8 năm 2011

Vũ Quốc Vinh
Tổng Giám đốc

